

Số: /KH-UBND

Cao Bằng, ngày tháng 5 năm 2026

KẾ HOẠCH

**Phát triển hệ thống cấp nước, nâng cao tỷ lệ dân cư
được sử dụng nước sạch tại các đô thị trên địa bàn tỉnh Cao Bằng năm 2026**

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

Quyết định số 1566/QĐ-TTg ngày 09/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia bảo đảm cấp nước an toàn giai đoạn 2016-2025;

Quyết định số 2502/QĐ-TTg ngày 22/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Định hướng phát triển cấp nước đô thị và khu công nghiệp Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050;

Chỉ thị số 34/CT-TTg ngày 28/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh nước sạch, bảo đảm cấp nước an toàn, liên tục;

Quyết định số 32/QĐ-UBND ngày 15/01/2026 ban hành Chương trình công tác năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.

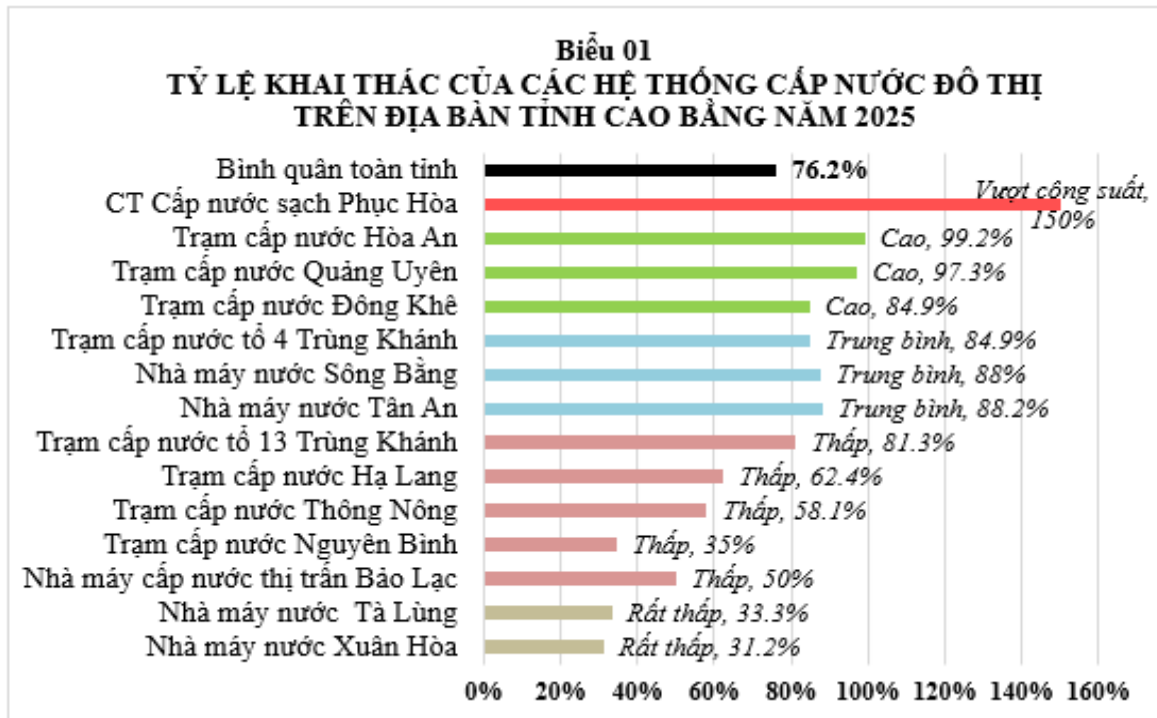
II. ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG CẤP NƯỚC ĐÔ THỊ

1. Mô hình quản lý hệ thống cấp nước đô thị trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

Toàn tỉnh hiện có 14 công trình cấp nước đô thị do nhiều chủ thể quản lý, vận hành và khai thác, cụ thể: Công ty TNHH MTV Cấp nước Cao Bằng vận hành, khai thác 10 công trình gồm: Nhà máy nước: Sông Bằng, Tân An, Xuân Hòa; các trạm cấp nước: Nước Hai, Đông Khê, Nguyên Bình, Trùng Khánh, Thông Nông, Hạ Lang, Quảng Uyên; Trung tâm Quản lý và Khai thác dịch vụ hạ tầng khu kinh tế vận hành, khai thác 02 công trình cấp nước gồm: Nhà máy nước Tà Lùng, công trình cấp nước thị trấn Trà Lĩnh huyện Trùng Khánh (nay thuộc xã Trà Lĩnh); Hợp tác xã Dịch vụ Thương mại và Xây dựng Nông lâm nghiệp Hòa Thuận vận hành, khai thác công trình cấp nước sạch trung tâm huyện lỵ Phục Hòa (nay thuộc xã Phục Hòa); Công ty TNHH Cấp thoát nước thị trấn Bảo Lạc vận hành, khai thác Nhà máy nước Bảo Lạc.

2. Hiệu quả khai thác và vận hành hệ thống

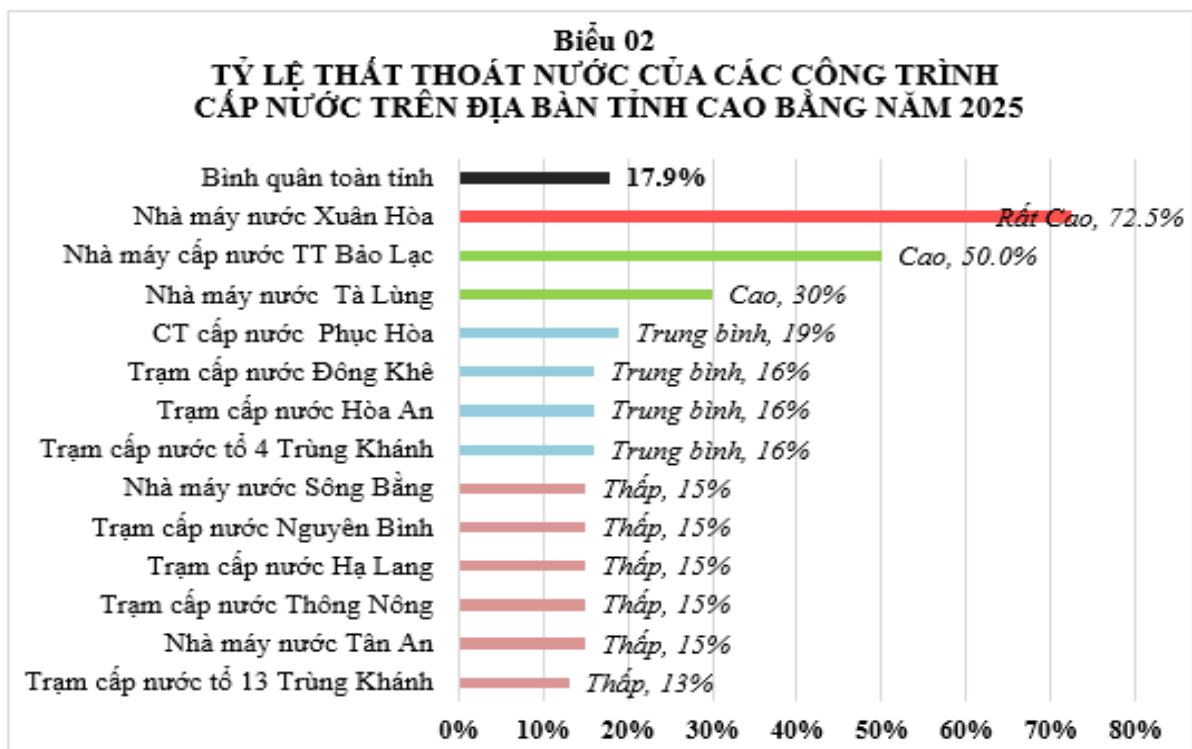
Mức độ khai thác công suất giữa các công trình cấp nước đô thị trên địa bàn tỉnh chưa đồng đều. Một số công trình có mức độ khai thác thấp so với công suất thiết kế, trong khi một số khu vực khác đã khai thác tiệm cận hoặc vượt công suất, dẫn đến tình trạng mất cân đối trong khai thác và phân bổ nguồn nước giữa các đô thị. Chi tiết tại **Biểu 01**:



Ghi chú: *Vượt công suất:* tỷ lệ khai thác >100%; *Cao:* Tỷ lệ khai thác từ 90% đến 100%; *Trung bình:* tỷ lệ khai thác từ 70% đến dưới 90%; *Thấp:* tỷ lệ khai thác từ 50% đến dưới 70%; *Rất thấp:* Tỷ lệ khai thác dưới 50%.

3. Thất thoát nước

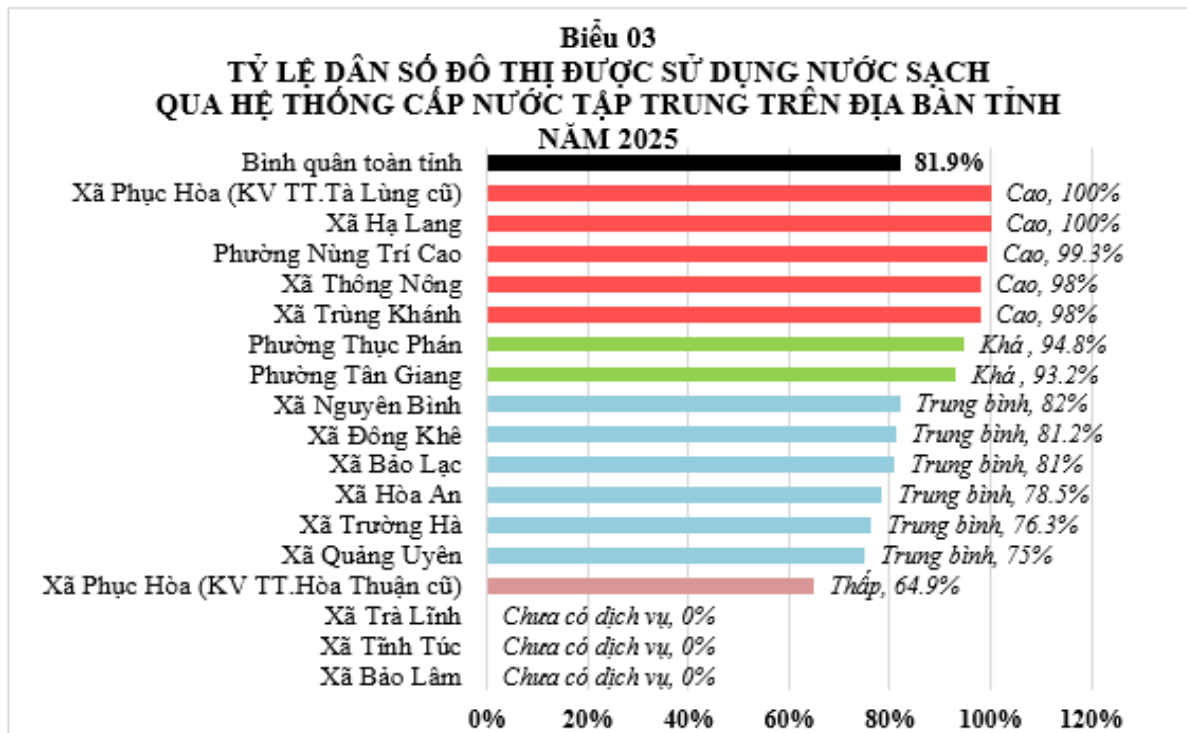
Tỷ lệ thất thoát nước sạch bình quân toàn tỉnh là 17,9% (dao động lớn từ 12% đến 72,5%), trong đó, công trình cấp nước Xuân Hòa có tỷ lệ thất thoát đặc biệt cao, cần tập trung xử lý để nâng cao hiệu quả vận hành. Chi tiết tại **Biểu 02**:



Ghi chú: Tỷ lệ thất thoát rất cao trên 50%; Tỷ lệ thất thoát cao từ 25% đến 50%; Tỷ lệ thất thoát trung bình từ trên 15% đến dưới 25%; Tỷ lệ thất thoát thấp từ 15% trở xuống.

4. Mức độ bao phủ dịch vụ cấp nước đô thị

Tỷ lệ dân cư đô thị được sử dụng nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung toàn tỉnh đạt khoảng 81,9%. Tuy nhiên còn đô thị Tĩnh Túc chưa được đầu tư hệ thống cấp nước tập trung; đô thị Bảo Lâm hiện đang triển khai dự án “Đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước thị trấn Pác Miều, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng”; đô thị Trà Lĩnh đã có mạng lưới cấp nước nhưng hệ thống xử lý đã xuống cấp không đảm bảo chất lượng cấp cho người dân nên hiện đã dừng cung cấp nước. Người dân tại các đô thị trên hiện chủ yếu sử dụng các nguồn nước phân tán như nước suối, sông và nước mưa, tiềm ẩn nguy cơ không bảo đảm chất lượng nước sinh hoạt. Chi tiết tại **Biểu 03**:



Ghi chú: Chưa có dịch vụ: tỷ lệ dân số được sử dụng nước sạch 0%); Thấp: tỷ lệ dân số được sử dụng nước sạch dưới 75%; Trung bình: tỷ lệ dân số được sử dụng nước sạch từ 75% đến dưới 90%; Khá: tỷ lệ dân số được sử dụng nước sạch từ 90% đến dưới 95%; Cao: tỷ lệ dân số được sử dụng nước sạch từ 95% trở lên.

5. Đánh giá chung

Nhìn chung, hệ thống cấp nước đô thị trên địa bàn tỉnh cơ bản đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt, tuy nhiên hiệu quả khai thác và vận hành chưa tương xứng với quy mô đầu tư. Các tồn tại chủ yếu gồm: (1) Hạ tầng kỹ thuật chưa đồng bộ, một số tuyến ống đã xuống cấp, làm gia tăng nguy cơ thất thoát nước; (2) Công tác tổ chức vận hành còn hạn chế, thể hiện ở tỷ lệ đầu nổi chưa

cao, phạm vi phục vụ chưa phủ kín và chưa có sự liên kết, điều tiết nguồn nước giữa các khu vực đô thị; (3) Nguồn lực đầu tư còn hạn chế, đồng thời việc ứng dụng công nghệ trong quản lý, vận hành và giám sát hệ thống chưa được triển khai đồng bộ, ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý tổng thể.

Các tồn tại nêu trên có mối liên hệ chặt chẽ, ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng cung cấp nước ổn định, an toàn. Trong bối cảnh nguồn lực còn hạn chế, yêu cầu đặt ra là nâng cao hiệu quả khai thác hệ thống hiện có, giảm thất thoát, mở rộng phạm vi phục vụ và từng bước tổ chức lại vận hành theo hướng hợp lý.

III. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

- Phát triển hệ thống cấp nước đô thị theo hướng an toàn, bền vững, phù hợp điều kiện địa hình miền núi, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Lấy nâng cao hiệu quả hệ thống hiện có làm trọng tâm.

- Gắn với quy hoạch đô thị và nhu cầu thực tế.

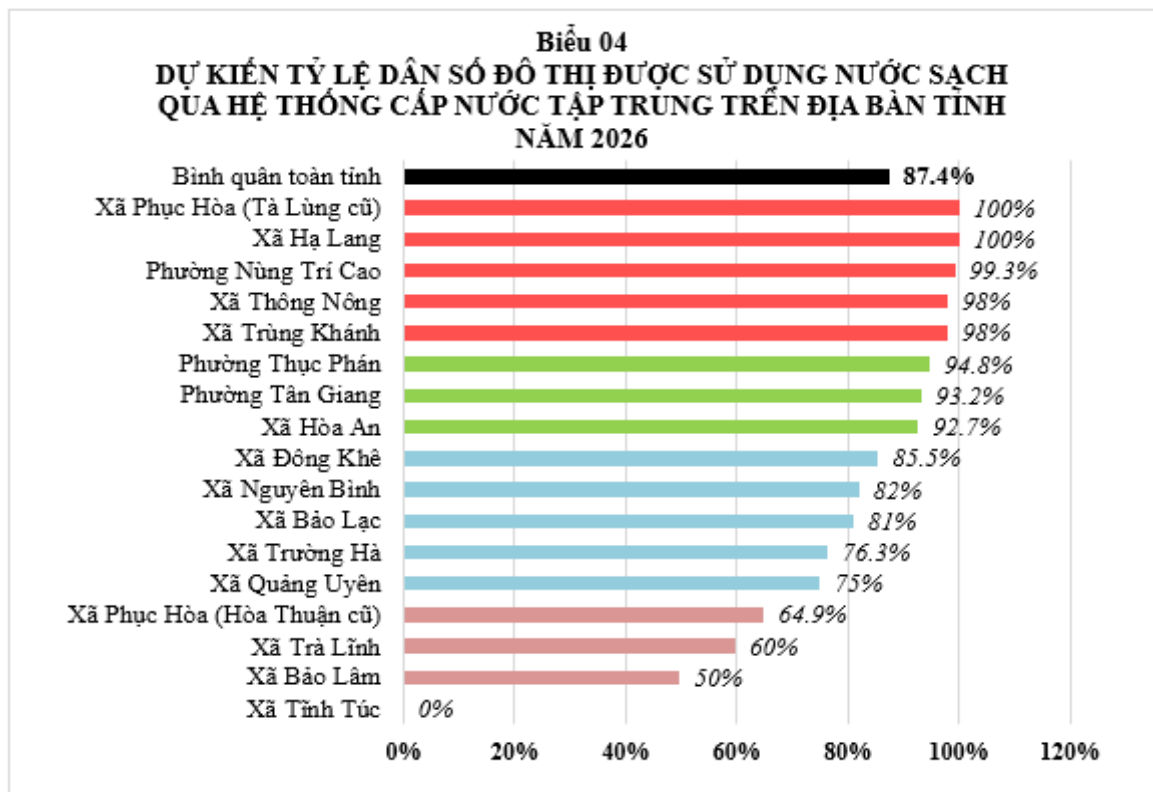
2. Mục tiêu tổng quát

- Bảo đảm cung cấp nước sạch ổn định, an toàn, liên tục cho khu vực đô thị.

- Nâng cao hiệu quả khai thác hệ thống cấp nước hiện có. Kiểm soát, giảm tỷ lệ thất thoát nước, nâng cao chất lượng dịch vụ cấp nước đô thị.

3. Mục tiêu cụ thể năm 2026

- Phần đầu tỷ lệ dân số đô thị được sử dụng nước sạch trên địa bàn tỉnh năm 2026 đạt khoảng 87,4%. Chi tiết dự kiến tỷ lệ dân số được sử dụng nước sạch đối với từng đô thị tại **Biểu 04**:



- Phân đầu giảm tỷ lệ thất thoát nước sạch bình quân trên địa bàn tỉnh giảm từ 17,9% xuống khoảng 15%.

- Nâng cao hiệu quả khai thác công suất của các hệ thống cấp nước hiện có phù hợp với nhu cầu sử dụng thực tế.

- 100% các công trình thực hiện kiểm tra, giám sát chất lượng nước và công bố kết quả chất lượng nước theo quy định. Chất lượng nước sạch cơ bản đáp ứng quy chuẩn hiện hành.

- 100% đơn vị cấp nước xây dựng hoặc cập nhật phương án cấp nước an toàn đối với hệ thống đang quản lý, vận hành.

- Duy trì thời gian cấp nước ổn định tại các khu vực đô thị đạt từ 20 - 24 giờ/ngày.

IV. ĐỊNH HƯỚNG TRIỂN KHAI NĂM 2026

Năm 2026 không đặt mục tiêu tái cấu trúc toàn diện hệ thống cấp nước đô thị, mà tập trung nâng cao hiệu quả vận hành hệ thống hiện có, giảm thất thoát nước, mở rộng phạm vi phục vụ và từng bước hoàn thiện quản lý theo phạm vi phục vụ của từng công trình, tạo nền tảng cho giai đoạn tiếp theo.

1. Định hướng theo khu vực đô thị

- Đối với đô thị chưa có hệ thống cấp nước (Tĩnh Túc): tổ chức nghiên cứu, đề xuất đầu tư xây dựng công trình cấp nước trong giai đoạn 2027-2030.

- Đối với đô thị đã có hệ thống cấp nước nhưng công suất khai thác thấp (Đô thị Trường Hà, xã Trường Hà; Đô thị Phục Hòa (*khu vực thị trấn Tà Lùng cũ*), xã Phục Hòa): Tập trung mở rộng mạng lưới trong phạm vi phục vụ, tăng tỷ lệ đầu nối, nâng cao sản lượng tiêu thụ, từng bước khai thác hiệu quả công suất hiện có.

- Đối với đô thị có hệ thống vận hành tiệm cận hoặc vượt công suất thiết kế (Đô thị Hòa An, xã Hòa An; đô thị Đông Khê, xã Đông Khê): Tập trung cải tạo, nâng công suất cục bộ; đồng thời rà soát, nghiên cứu điều tiết, phân vùng cấp nước hợp lý.

- Đối với đô thị có hệ thống vận hành ở mức trung bình, còn dư địa nâng cao hiệu quả (Đô thị Bảo Lạc, xã Bảo Lạc; đô thị Nguyên Bình, xã Nguyên Bình; đô thị Hạ Lang, xã Hạ Lang; đô thị Trùng Khánh, xã Trùng Khánh; đô thị Quảng Uyên, xã Quảng Uyên; đô thị Thông Nông, xã Thông Nông): tập trung tối ưu hóa vận hành, mở rộng phạm vi phục vụ và nâng cao chất lượng dịch vụ cấp nước.

2. Định hướng kỹ thuật

- Tập trung cải tạo, thay thế các tuyến ống xuống cấp; tăng cường quản lý vận hành mạng lưới nhằm giảm tỷ lệ thất thoát, thất thu nước sạch. Trong điều kiện chưa có quy định, mục tiêu giảm tỷ lệ thất thoát, thất thu nước sạch mới của

Trung ương cho giai đoạn sau năm 2025, việc triển khai thực hiện tiếp tục bám sát mục tiêu tại Quyết định số 2147/QĐ-TTg ngày 24/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ.

- Tăng cường kiểm soát áp lực, lưu lượng và chất lượng nước trên mạng lưới, bảo đảm vận hành ổn định, an toàn.

- Từng bước mở rộng ứng dụng các giải pháp công nghệ phù hợp (giám sát lưu lượng, áp lực cục bộ, quản lý mạng lưới), phục vụ công tác vận hành và kiểm soát thất thoát nước.

- Từng bước số hóa dữ liệu hệ thống cấp nước (mạng lưới, khách hàng, vận hành), phục vụ công tác quản lý, giám sát và điều hành.

3. Định hướng tổ chức vận hành theo phạm vi phục vụ

- Mỗi công trình cấp nước xác định rõ phạm vi phục vụ hiện có và phạm vi dự kiến mở rộng, làm cơ sở tổ chức quản lý, vận hành và đầu tư mạng lưới.

- Tập trung mở rộng mạng lưới cấp nước từ khu vực trung tâm hiện hữu ra các khu dân cư lân cận, phù hợp với điều kiện hạ tầng và khả năng cấp nước của từng công trình.

- Gắn việc mở rộng mạng lưới với các giải pháp thúc đẩy đầu nối sử dụng nước sạch (tuyên truyền, vận động, hỗ trợ phù hợp với điều kiện thực tế; kiểm soát khai thác nước tự phát).

- Chuẩn hóa công tác quản lý, vận hành theo từng hệ thống (quy trình vận hành, kiểm soát thất thoát, quản lý đầu nối, bảo đảm áp lực và chất lượng nước).

4. Định hướng quản lý

- Tổ chức rà soát hiện trạng mô hình quản lý, vận hành các công trình cấp nước; trên cơ sở đó đề xuất phương án sắp xếp theo hướng tinh gọn, nâng cao hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

- Tăng cường cơ chế phối hợp giữa các đơn vị cấp nước và chính quyền địa phương trong quản lý, vận hành hệ thống; bảo đảm đồng bộ trong phát triển mạng lưới và mở rộng phạm vi phục vụ.

- Nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước về cấp nước đô thị theo hướng tăng cường hướng dẫn, kiểm tra, giám sát và tổng hợp.

- Từng bước chuẩn hóa quy trình phối hợp, chia sẻ thông tin, dữ liệu giữa các đơn vị; phục vụ công tác quản lý, điều hành và định hướng chuyển đổi mô hình quản lý trong giai đoạn tiếp theo.

- Tăng cường huy động các nguồn lực hợp pháp (doanh nghiệp, xã hội hóa, vốn vay...) để đầu tư cải tạo, nâng cấp hệ thống cấp nước, phù hợp với khả năng cân đối nguồn lực của tỉnh.

V. GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Nhóm giải pháp về đầu tư

- Tập trung hoàn thành các dự án tại Mục VI, bảo đảm tiến độ, chất lượng và đưa vào vận hành trong năm 2026.
- Rà soát, ưu tiên bố trí nguồn lực cho các hạng mục cải tạo, nâng cấp mạng lưới, đặc biệt tại các khu vực có tỷ lệ thất thoát cao.
- Hạn chế đầu tư mới công trình cấp nước quy mô lớn tại các khu vực chưa khai thác hết công suất hệ thống hiện có.
- Tăng cường huy động các nguồn lực hợp pháp (doanh nghiệp, xã hội hóa, vốn vay...) để đầu tư cải tạo, nâng cấp hệ thống cấp nước.

2. Nhóm giải pháp kỹ thuật

Triển khai đồng bộ các giải pháp kỹ thuật nhằm giảm thất thoát, thất thu nước sạch, nâng cao hiệu quả khai thác và vận hành hệ thống cấp nước đô thị trên địa bàn tỉnh. Tập trung vào 04 nhóm nhiệm vụ chính:

- Cải tạo, thay thế các tuyến ống xuống cấp, thường xuyên sự cố.
- Kiểm soát áp lực, lưu lượng và chất lượng nước trên toàn mạng lưới.
- Ứng dụng công nghệ trong giám sát, cảnh báo và quản lý vận hành.
- Số hóa dữ liệu hệ thống cấp nước phục vụ quản lý tập trung và điều hành.

Giải pháp theo nhóm hệ thống:

- Đối với nhóm hệ thống có tỷ lệ thất thoát $\leq 15\%$ ¹:

+ Duy trì ổn định công tác quản lý, vận hành hệ thống cấp nước. Thực hiện kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ mạng lưới và công trình cấp nước. Kịp thời phát hiện, xử lý các điểm rò rỉ nhỏ; không để phát sinh thất thoát lớn.

+ Tiếp tục hoàn thiện phân vùng tách mạng (DMA) tại các khu vực đủ điều kiện nhằm nâng cao hiệu quả kiểm soát thất thoát.

- Đối với nhóm hệ thống có tỷ lệ thất thoát $> 15\%$ ²:

+ Tổ chức rà soát tổng thể hiện trạng hệ thống; triển khai phân vùng tách mạng, kiểm soát áp lực và khoanh vùng rò rỉ để xác định chính xác khu vực thất thoát. Thực hiện sửa chữa, khắc phục các vị trí rò rỉ phát sinh trong quá trình vận hành; kiểm tra, hiệu chỉnh và thay thế đồng hồ đo đếm không bảo đảm độ chính xác.

+ Đối với các hệ thống đã vận hành ổn định lâu năm, tập trung xử lý các nguyên nhân do xuống cấp mạng lưới và tổn thất kỹ thuật. Đối với hệ thống mới

¹ Bao gồm: Nhà máy nước Tân An, Nhà máy nước Sông Bằng, trạm cấp nước Quảng Uyên, trạm cấp nước tổ 13 Trùng Khánh, trạm cấp nước Thông Nông, trạm cấp nước Hạ Lang, trạm cấp nước Nguyên Bình

² Bao gồm: Trạm cấp nước tổ 4 Trùng Khánh, trạm cấp nước Hòa An, trạm cấp nước Đông Khê, công trình cấp nước sạch huyện lỵ Phục Hòa (nay thuộc xã Phục Hòa), Nhà máy nước thị trấn Tà Lùng (nay thuộc xã Phục Hòa), Nhà máy nước thị trấn Bảo Lạc (nay thuộc xã Bảo Lạc), Nhà máy nước thị trấn Xuân Hòa (nay thuộc xã Trường Hà)

đưa vào vận hành như Xuân Hòa, tập trung rà soát thiết kế, công tác đấu nối, quản lý khách hàng, bảo đảm vận hành đúng thông số thiết kế và giảm thất thoát ngay từ giai đoạn đầu.

+ Tập trung nguồn lực xử lý dứt điểm các hệ thống có tỷ lệ thất thoát cao, rất cao (Tà Lùng, Bảo Lạc, Xuân Hòa), phân đầu đưa tỷ lệ thất thoát nước về mức 15%.

3. Nhóm giải pháp quản lý vận hành

- Chuẩn hóa quy trình quản lý, vận hành hệ thống cấp nước; nâng cao năng lực đội ngũ vận hành.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát chất lượng dịch vụ cấp nước và việc thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn.

- Trong năm 2026, tập trung nghiên cứu, đề xuất phương án giao quản lý các công trình cấp nước trong khu kinh tế, gồm: Trà Lĩnh, thị trấn Tà Lùng cũ và thị trấn Hòa Thuận cũ, bảo đảm lựa chọn đơn vị quản lý và hình thức tổ chức thực hiện phù hợp, nâng cao hiệu quả khai thác công trình và chất lượng dịch vụ cấp nước.

- Thiết lập cơ chế phối hợp giữa các đơn vị cấp nước và chính quyền địa phương trong quản lý, vận hành và phát triển mạng lưới.

4. Nhóm giải pháp phát triển dịch vụ và đấu nối

- Đẩy mạnh phát triển đấu nối sử dụng nước sạch, gắn với mở rộng mạng lưới cấp nước.

- Tăng cường tuyên truyền sử dụng nước sạch, tiết kiệm và bảo vệ công trình cấp nước. Kiểm soát, hạn chế tình trạng khai thác nước ngầm tự phát trong khu vực đô thị.

VI. DANH MỤC DỰ ÁN THỰC HIỆN NĂM 2026

Trong năm 2026, tập trung triển khai hoàn thành các dự án cấp nước đã được phê duyệt và đang thi công, bảo đảm đưa vào vận hành theo tiến độ. Đồng thời ưu tiên thực hiện các dự án cải tạo, nâng cấp, mở rộng hệ thống cấp nước. Việc xem xét đầu tư các dự án xây dựng mới được kiểm soát chặt chẽ, bảo đảm phù hợp với nhu cầu thực tế và khả năng cân đối nguồn lực.

Danh mục dự án thực hiện gồm:

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Tổng mức (tỷ đồng)	Nguồn vốn	Thời gian hoàn thành	Hiệu quả dự kiến
1	Cấp nước sinh hoạt thị trấn Pác Miều, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng (nay thuộc xã Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng)	Sở Tài chính	42,43	Vốn vay ngân hàng ADB, nguồn vốn đối ứng từ ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương	Năm 2026	Công trình dự kiến cung cấp nước sạch cho khoảng 2.600 người tại khu vực trung tâm xã Bảo Lâm
2	Cấp nước sinh hoạt khu vực thị trấn Đông Khê, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng (nay thuộc xã Đông Khê, tỉnh Cao Bằng)	Ủy ban nhân dân xã Đông Khê	11,36	Vốn viện trợ không hoàn lại từ quỹ đặc biệt Hợp tác Mê Công - Lan Thương và vốn đối ứng ngân sách địa phương	Năm 2026	Công trình dự kiến cung cấp nước sạch cho khoảng 4.000 người tại khu vực trung tâm xã Đông Khê
3	Cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới các hạng mục của hệ thống cấp nước sạch thị trấn Trà Lĩnh, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng (nay thuộc xã Trà Lĩnh, tỉnh Cao Bằng)	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	14,5	Ngân sách nhà nước	Năm 2026	Công trình dự kiến cung cấp nước sạch cho khoảng 3.100 người tại khu vực trung tâm xã Trà Lĩnh
4	Cải tạo và phát triển mạng lưới cấp nước tại phường Tân Giang	Công ty TNHH MTV Cấp nước Cao Bằng	0,2	Vốn Công ty TNHH MTV Cấp nước Cao Bằng	Năm 2026	Cải thiện chất lượng mạng lưới cấp nước, giảm thất thoát nước, bảo đảm cấp nước ổn định

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Tổng mức (tỷ đồng)	Nguồn vốn	Thời gian hoàn thành	Hiệu quả dự kiến
5	Mở rộng mạng lưới đường ống, nâng công suất trạm cấp nước Hòa An	Công ty TNHH MTV Cấp nước Cao Bằng	18,8	Vốn Công ty TNHH MTV Cấp nước Cao Bằng và vốn vay	Năm 2026	Công trình dự kiến cung cấp nước cho thêm khoảng 3.134 người tại khu vực xã Hòa An.
6	Xây dựng bể phản ứng nhà máy nước Tân An	Công ty TNHH MTV Cấp nước Cao Bằng	2,5	Vốn Công ty TNHH MTV Cấp nước Cao Bằng và vốn vay	Năm 2026	Nâng cao chất lượng nước. Bảo đảm nước sau xử lý đạt quy chuẩn
7	Cải tạo và phát triển mạng lưới cấp nước tại phường Nùng Trí Cao	Công ty TNHH MTV Cấp nước Cao Bằng	0.169	Vốn tự có	Năm 2026	Thay thế các tuyến ống đã xuống cấp, góp phần giảm tỷ lệ thất thoát cho hệ thống cấp nước
8	Đầu tư xây dựng tuyến ống truyền tải từ Nhà máy nước Sông Bằng đến ngã tư cuối đường Võ Nguyên Giáp, phường Thục Phán, tỉnh Cao Bằng	Công ty TNHH MTV Cấp nước Cao Bằng	18,2	Vốn Công ty TNHH MTV Cấp nước Cao Bằng và vốn vay	Năm 2026	Bảo đảm truyền tải nước sạch ổn định, an toàn từ Nhà máy nước Sông Bằng đến khu đô thị mới Đề Thám - Phường Thục Phán; đáp ứng nhu cầu sử dụng nước của khu vực.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Xây dựng

- Chủ trì hướng dẫn, đôn đốc và kiểm tra việc triển khai thực hiện Kế hoạch; tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh giao quản lý, vận hành hệ thống cấp nước đô thị; phối hợp với Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, Ủy ban nhân dân xã Phục Hòa và các cơ quan liên quan đề xuất phương án sắp xếp, tổ chức lại mô hình quản lý công trình cấp nước trong khu kinh tế và công trình cấp nước sạch trung tâm huyện lỵ Phục Hòa (cũ) theo hướng tập trung, hiệu quả.

- Hướng dẫn các đơn vị cấp nước xây dựng, triển khai kế hoạch cấp nước an toàn; giảm tỷ lệ thất thoát nước và nâng cao hiệu quả khai thác hệ thống.

- Chủ trì rà soát, đề xuất danh mục dự án đầu tư, cải tạo, nâng cấp hệ thống cấp nước phù hợp với quy hoạch và nhu cầu thực tế.

2. Sở Tài chính

- Tổ chức triển khai, đôn đốc nhà thầu thi công hoàn thành dự án cấp nước sinh hoạt thị trấn Pác Miều, huyện Bảo Lâm (nay là xã Bảo Lâm), tỉnh Cao Bằng đúng tiến độ để bàn giao công trình đưa vào sử dụng trong năm 2026.

- Chủ trì, phối hợp với đơn vị thi công, Công ty TNHH MTV Cấp nước Cao Bằng xử lý dứt điểm tình trạng thất thoát nước công trình cấp nước thị trấn Xuân Hòa (cũ).

- Căn cứ khả năng cân đối ngân sách của địa phương, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh trình cấp có thẩm quyền xem xét, bố trí hoặc lồng ghép các nguồn vốn để thực hiện đầu tư cơ sở hạ tầng cấp nước theo quy định.

3. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Tăng cường thực hiện công tác bảo vệ, phòng ngừa các nguy cơ gây ô nhiễm nguồn nước, khu vực bảo vệ nguồn nước, xử lý kịp thời các sự cố, vi phạm gây ô nhiễm nguồn nước.

- Phối hợp trong việc quản lý, khai thác, sử dụng hợp lý các nguồn nước; bảo đảm an toàn nguồn nước cấp cho các công trình.

4. Sở Y tế

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt theo quy định.

- Hướng dẫn các đơn vị cấp nước thực hiện kiểm tra chất lượng nước sạch, phối hợp xử lý, cảnh báo nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng liên quan đến chất lượng nước.

5. Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan rà soát, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh phương án giao quản lý, vận hành các công trình cấp nước sạch trong phạm vi khu kinh tế.

- Bảo đảm tiến độ hoàn thành, bàn giao công trình cấp nước sạch Trà Lĩnh để đưa vào vận hành, cung cấp nước sạch cho người dân trong năm 2026.

6. UBND các xã, phường

- Tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch cấp nước trên địa bàn; tăng cường kiểm tra, giám sát việc cung cấp dịch vụ cấp nước.

- Phối hợp với các đơn vị cấp nước trong công tác mở rộng mạng lưới, phát triển đầu nối.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động người dân sử dụng nước sạch, sử dụng nước tiết kiệm, bảo vệ công trình cấp nước và nguồn nước.

- Quản lý, bảo vệ công trình cấp nước và nguồn nước trên địa bàn; Phối hợp kiểm tra, xử lý tình trạng khai thác nước dưới đất không đúng quy định.

- Chủ động huy động, lồng ghép các nguồn lực hợp pháp để hỗ trợ phát triển hệ thống cấp nước phù hợp điều kiện thực tế.

7. Các đơn vị cấp nước

- Tổ chức quản lý, vận hành hệ thống cấp nước bảo đảm ổn định, an toàn, liên tục; nâng cao hiệu quả khai thác công suất và chất lượng dịch vụ.

- Xây dựng và phê duyệt phương án vận hành an toàn trong mùa mưa bão, có kịch bản dự phòng khi xảy ra các tình huống: nguồn nước bị ô nhiễm, trạm bơm bị ngập, mất điện hoặc hư hỏng tuyến ống.

- Lập và triển khai kế hoạch cải tạo, thay thế mạng lưới đường ống xuống cấp; thực hiện các giải pháp nâng công suất, giảm tỷ lệ thất thoát nước theo lộ trình, ưu tiên các khu vực có thất thoát cao.

- Tăng cường kiểm soát áp lực, lưu lượng và chất lượng nước; từng bước triển khai các giải pháp khoanh vùng quản lý mạng lưới để kiểm soát thất thoát.

- Chủ động mở rộng mạng lưới cấp nước, phát triển đầu nối hộ dân; phối hợp với chính quyền địa phương trong công tác tuyên truyền, vận động người dân sử dụng nước sạch.

- Từng bước ứng dụng công nghệ trong quản lý, vận hành; thực hiện số hóa dữ liệu hệ thống cấp nước.

- Thực hiện đầy đủ các quy định về quản lý chất lượng nước sạch; công bố hợp quy và chịu trách nhiệm về chất lượng nước cung cấp.

Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu Giám đốc các sở, ban, ngành; thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan, căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch; gửi báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch về Sở Xây dựng trước ngày 15/11/2026 để tổng hợp, đánh giá tình hình triển khai, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo theo quy định./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: XD, TC, NN&MT, Y tế;
- Thành viên UBND tỉnh;
- Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Các đơn vị cấp nước trên địa bàn tỉnh;
- VP UBND tỉnh: LĐVP, CVKT, TTTT-HN;
- Lưu: VT, XD.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hoàng Văn Thạch